



PHỤ LỤC 1

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 4 NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

(Kèm theo Công bố số 04/2024/CBLs-XD-TC ngày 10/5/2024 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
I	Vật liệu rời (cát, đá các loại)										
1	Khu vực bến bãi Sông Cầu tại xã Đông Tiến, huyện Yên Phong (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						330.000
		Đá dăm	m ³		(2x4) cm						330.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại I						290.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại II			Không có thông tin			260.000
		Cát san lấp	m ³		Đen						180.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						200.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						450.000
2	Khu vực bến bãi Sông Đuống tại xã Trung Mậu, huyện Gia Lâm (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						320.000
		Đá dăm	m ³		(2x4) cm						320.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại I						260.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại II			Không có thông tin			240.000
		Cát san lấp	m ³		Đen						140.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						160.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						450.000
3	Khu vực bến bãi Sông Đuống tại xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						340.000
		Cát san lấp	m ³		Đen						140.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm			Không có thông tin			150.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						420.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
4	Khu vực bến bãi Sông Đuống tại xã Tri Phương, huyện Tiên Du (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						330.000
		Đá dăm	m ³		(2x4) cm						320.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại I				Không có thông tin		260.000
		Cát san lấp	m ³		Đen						140.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						150.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						420.000
5	Khu vực bến bãi Sông Cầu tại phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						350.000
		Đá dăm	m ³		(2x4) cm						330.000
		Cát san lấp	m ³		Đen				Không có thông tin		150.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						180.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						450.000
6	Khu vực bến bãi Sông Đuống tại xã Châu Phong, thị xã Quế Võ (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						340.000
		Đá dăm	m ³		(2x4) cm						340.000
		Cát san lấp	m ³		Đen				Không có thông tin		130.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						150.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						420.000
7	Khu vực bến bãi Sông Đuống tại phường Bồng Lai, thị xã Quế Võ (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						330.000
		Đá dăm	m ³		(2x4) cm						320.000
		Cát san lấp	m ³		Đen				Không có thông tin		150.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						180.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						450.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
8	Khu vực bến bãi Sông Đuống tại xã Thái Bảo, huyện Gia Bình (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm			Không có thông tin	Không có thông tin		330.000
		Cát san lấp	m ³		Đen						120.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						130.000
9	Khu vực bến bãi Sông Đuống tại xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						360.000
		Đá dăm	m ³		(2x4) cm						350.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại I			Không có thông tin	Không có thông tin		280.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại II						260.000
		Cát san lấp	m ³		Đen						110.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						120.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						380.000
10	Khu vực bến bãi Sông Thái Bình tại xã Trung Kênh, huyện Lương Tài (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm						330.000
		Đá mặt	m ³		(0x0,5) cm						280.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại I			Không có thông tin	Không có thông tin		280.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại II						270.000
		Cát san lấp	m ³		Đen						145.000
		Cát xây trát	m ³		ML:0,7-2mm						155.000
		Cát bê tông	m ³		ML>2mm						450.000
11	Khu vực bến bãi Sông Đuống tại xã Mão Điền, thị xã Thuận Thành (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua)										
		Đá dăm	m ³		(1x2) cm			Không có thông tin	Không có thông tin		330.000
		Đá dăm	m ³		(2x4) cm						320.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại I						280.000
		Cấp phối đá dăm	m ³		Loại II						260.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
VIỆT Ý**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số/No: 42 /VIS-KD
V/v đăng ký niêm yết giá tại Công
bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-
Tài chính Bắc Ninh tháng
04./2024
(Quý 2./2024.).

Hung Yên, ngày 20 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: - Sở Xây dựng Tỉnh Bắc Ninh
- Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện theo Hướng dẫn số 02/ HD-SXD ngày 15/02/2024 của Sở Xây dựng về Đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng- Tài chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Công ty Cổ phần Thép Việt Ý, đề nghị Liên Sở Xây dựng- Tài chính tỉnh Bắc Ninh Công bố giá sản phẩm Thép Việt Ý do Công ty chúng tôi sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng- Tài chính tỉnh Bắc Ninh, kèm theo tài liệu như sau:

1. Bảng giá sản phẩm, hàng hóa Công ty Cổ phần Thép Việt Ý kèm theo (*bản chính*) áp dụng từ ngày 01/04/2024 cho đến khi có Bảng niêm yết giá mới.
2. Hồ sơ chất lượng:
 - Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 055/TB-TĐCHY/CBHQ ngày 22/012/2022 của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên có giá trị từ ngày 13 tháng 12 năm 2022 đến ngày 11 tháng 12 năm 2025;
 - Quyết định kèm theo giấy chứng nhận hợp quy hoặc giấy chứng nhận hợp chuẩn do Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (Quacert) thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp ngày 24 tháng 11 năm 2022 và có giá trị từ ngày 12 tháng 12 năm 2022 đến ngày 11 tháng 12 năm 2025.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0900222647 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 16 tháng 07 năm 2018;
 - Các catalogue giới thiệu mẫu, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng để sản xuất.
3. Thông tin khác:
 - Địa chỉ công ty: Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
 - Số điện thoại: 0221.3942427; Email: kd@vis.com.vn
 - Người đại diện lãnh đạo Công ty: YASUHIRO YONEMURA; chức vụ: Tổng giám đốc.
 - Người chịu trách nhiệm báo giá: Đỗ Minh Quang; số điện thoại: 0368189098; email: dominhquang@vis.com.vn.

Công ty Cổ phần Thép Việt Ý cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng- Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hoá đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 10, Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.

Công ty Cổ phần Thép Việt Ý xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: KD.



LÃNH ĐẠO CÔNG TY

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Shin Yasuda**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 20 tháng 04 năm 2024.

BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo văn bản số: 42/VAS-KD ngày 20/04/2024 của Công ty CP Thép Việt Y, Áp dụng từ ngày 01/04/2024 đến khi có bảng báo giá mới)

1. Bảng giá bán sản phẩm, hàng hoá:

STT	Nhóm vật liệu *	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị *	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Đơn giá chưa có thuế VAT (đồng)
1	Thép xây dựng	Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hung Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin		13.600
2	Thép xây dựng	Thép thanh vân D10 CB300-V	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hung Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin		14.400
3	Thép xây dựng	Thép thanh vân D10 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hung Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin		15.100



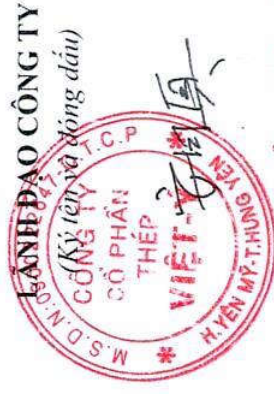
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hưng Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin	14.250
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hưng Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin	14.700
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hưng Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin	14.250
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hưng Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin	14.700
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hưng Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin	14.800
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/BKHCN TCVN 1651-2:2018		VIS	Việt Nam	Giá bán tại kho bãi bên bán (Hưng Yên) trên phương tiện vận tải bên mua	Không có thông tin	15.500

2. Công ty CP Thép Việt Ý cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng - Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh và phạm vi kiểm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hoá đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 10, Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.

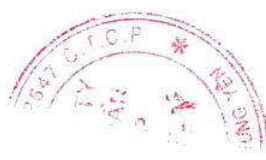
Công ty CP Thép Việt Ý xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Bắc Ninh;
- Sở Tài chính Bắc Ninh;
- Lưu.



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Shin Yasuda



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN VAS NGHI SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 130/CV.24/VASG-PKD
V/v: Đăng ký niêm yết giá tại Công bố
giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính
Bắc Ninh tháng 04/2024

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: – Sở Xây dựng Tỉnh Bắc Ninh,
– Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện theo hướng dẫn số 02/HD-SXD ngày 15/02/2024 của Sở Xây dựng về Đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng – Tài chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn đề nghị liên Sở Xây dựng – Tài chính tỉnh Bắc Ninh công bố giá sản phẩm thép VAS do Công ty chúng tôi sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng – Tài chính tỉnh Bắc Ninh, kèm theo Tài liệu như sau:

1. Bảng giá sản phẩm

Hàng hóa Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn kèm theo [bản chính] áp dụng từ ngày - 01/04/2024 cho đến khi có Bảng giá niêm yết mới.

2. Hồ sơ chất lượng

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố Hợp quy số: 02/TB-TĐC ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Thanh Hóa có giá trị đến ngày 26 tháng 3 năm 2026.
- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố Hợp quy các số: 15/TB-TĐC và 17/TB-TĐC cùng ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Thanh Hóa có giá trị đến ngày 15 tháng 6 năm 2026.
- Quyết định kèm theo giấy chứng nhận hợp quy hoặc giấy chứng nhận hợp chuẩn do Trung tâm chứng nhận phù hợp [Quacert] thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các số: 1289/QĐ-QUACERT; 1290/QĐ-QUACERT cấp ngày 27 tháng 3 năm 20023, có giá trị đến ngày 26 tháng 3 năm 2026 và các số: 2689/QĐ-QUACERT; 2690/QĐ-QUACERT cấp ngày 13 tháng 6 năm 20023, có giá trị đến ngày 15 tháng 6 năm 2026.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 2801115888 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30 tháng 12 năm 2022.
- Catalogues giới thiệu mẫu, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng để sản xuất.

3. Thông tin khác

- Địa điểm đặt trụ sở VPĐD của doanh nghiệp để nghị công bố giá: Số 193 Đình Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM.
- Địa điểm đặt nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu để nghị công bố: Khu liên hiệp Gang Thép Nghi Sơn - Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bảo Giang – Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
- Người chịu trách nhiệm báo giá: Ông Nguyễn Trường Giang – Phó Phòng kinh doanh.

Số điện thoại: 0916.210 910

Email: giangnt1@vasgroup.vn

Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn cam kết về các sản phẩm, hàng hóa để nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng – Tài chính không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng.



Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận

- Như kính gửi.
- Lưu: PKD



KT THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Quỳnh Thư



BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo Công văn số: 130/CV.24/VASG-PKD ngày 01/4/2024 của Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn,
Áp dụng từ ngày 01/4/2024 đến khi có bảng giá mới)

1. Bảng giá bán sản phẩm, hàng hóa:

Stt	Nhóm Vật liệu	Tên Vật liệu, loại Vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa có thuế VAT (đồng)
1	Thép xây dựng	Thép thanh tròn trơn dạng cuộn, đường kính 6 mm Mã thép CB240-T	Kg	TCVN 1651-1:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép cuộn tròn trơn D6 2.0 tấn ± 2.1 tấn/cuộn	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,770
2	Thép xây dựng	Thép thanh tròn trơn dạng cuộn, đường kính 8 mm Mã thép CB240-T	Kg	TCVN 1651-1:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép cuộn tròn trơn D8 2.0 tấn ± 2.1 tấn/cuộn	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,770
3	Thép xây dựng	Thép thanh vằn dạng cuộn, đường kính 8 mm Mã thép CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép cuộn vằn D8 2.0 tấn ± 2.1 tấn/cuộn	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,870
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 10 mm Mã thép CB300-V và Gr40	Kg	TCVN 1651-2:2018/ ASTM A615/A515M-20 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép thanh vằn D10 Chiều dài L=11,7 mét/cây	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,820
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 12 mm Mã thép CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép thanh vằn D12 Chiều dài L=11,7 mét/cây	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,820
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính từ 14 mm-20 mm Mã thép CB300-V và Gr40	Kg	TCVN 1651-2:2018/ ASTM A615/A515M-20 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép thanh vằn D14-D20 Chiều dài L=11,7 mét/cây	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,820
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 10 mm Mã thép CB400-V và CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép thanh vằn D10 Chiều dài L=11,7 mét/cây	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,870
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 12 mm Mã thép CB400-V và CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép thanh vằn D12 Chiều dài L=11,7 mét/cây	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,870
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính từ 14 mm-D32 mm Mã thép CB400-V và CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép thanh vằn D14-D32 Chiều dài L=11,7 mét/cây	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	14,870
10	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 36 mm Mã thép CB400-V và CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép thanh vằn D36 Chiều dài L=11,7 mét/cây	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	15,070
11	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 40 mm Mã thép CB400-V và CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018 QCVN 7:2019/BKHCN	Thép thanh vằn D40 Chiều dài L=11,7 mét/cây	Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn	Việt Nam	Không	Không có thông tin	Giá tại Nhà máy - KKT Nghi Sơn, P. Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	15,270

2. Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn cam kết về các sản phẩm, hàng hóa để nghị công bố giá liên Sở Xây dựng - Tài chính:

- Đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm để nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng;
- Chất lượng sản phẩm hàng hóa đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn;
- Đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 10, Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật liên quan.

Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghị Sơn xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Bắc Ninh
- Sở Tài chính Bắc Ninh
- Lưu



Huỳnh Thị Quỳnh Thư